

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân công các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh
phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 312/TTr-SNNMT ngày 26/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện xây dựng nông thôn

mới tại các xã; tổ chức thẩm định kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Lưu VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

Phụ lục: Phân công sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Ngành phụ trách	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu được giao phụ trách
1	Sở Xây dựng	Tiêu chí số 1 về Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch. 1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới. 1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã.
		Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa.
		Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố
		Tiêu chí số 8 về Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. 2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.
		Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn	3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. 3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả. 3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương. 3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương.

TT	Ngành phụ trách	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu được giao phụ trách
			3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả. 3.10. Nội dung “có làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch”.
		Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều. 6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. 6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm.
		Tiêu chí số 7 về Khoa học công nghệ và chuyển đổi số	7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường
		Tiêu chí số 8 về Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt $\geq 80\%$; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng chất thải rắn phát sinh. 8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón. 8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. 8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn.
3	Sở Công Thương	Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. 2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.
		Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn	3.10. Nội dung “Có cụm công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật”.
		Tiêu chí số 7 về Khoa học công nghệ và chuyển đổi số	7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử

TT	Ngành phụ trách	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu được giao phụ trách
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tiêu chí số 4 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông
		Tiêu chí số 5 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tiêu chí số 5 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Tiêu chí số 2 về Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất
		Tiêu chí số 7 về Khoa học công nghệ và chuyển đổi số	7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn 7.4. Có mô hình thôn thông minh
7	Sở Y tế	Tiêu chí số 5 về Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế 5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội
		Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)
8	Sở Nội vụ	Tiêu chí số 4 về Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ
		Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới

TT	Ngành phụ trách	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu được giao phụ trách
		Tiêu chí số 9 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Nội dung về Đảng bộ, chính quyền xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên
9	Sở Tư pháp	Tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật
10	Sở Tài chính	Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn	3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả 3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương
11	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng
12	Công an tỉnh	Tiêu chí số 10 về Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động 10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã
13	Thống kê tỉnh	Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người
14	Văn phòng UBND tỉnh	Tiêu chí số 9 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$
15	Đề nghị Hội Nông dân tỉnh	Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn	3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định
16	Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Tiêu chí số 6 về Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”

TT	Ngành phụ trách	Tên tiêu chí	Nội dung chỉ tiêu được giao phụ trách
17	Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Tiêu chí số 9 về Xây dựng hệ thống chính trị và Hành chính công	9.1. Nội dung “Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên”.
18	Ban quản lý khu Kinh tế Nghi Sơn và các khu Công nghiệp	Tiêu chí số 3 về Phát triển kinh tế nông thôn	3.10. Nội dung “có khu công nghiệp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật”.